

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
(Dự toán trình Kỳ họp HĐND)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về dự toán ngân sách địa phương năm 2024 và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp xã năm 2024 của ủy ban nhân dân xã Lương Bằng, như sau: Biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hình thức công khai: Công thông tin điện tử xã Lương Bằng; gửi trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị tại biểu 103,104,105,106,107.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Công chức Tài chính - Kế toán xã; Các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức hội cấp xã, cấp thôn; cán bộ, công chức xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND huyện Chợ Đồn(b/c);
- Phòng TC-KH huyện Chợ Đồn(b/c);
- TTĐU, HĐND(b/c);
- Trưởng các ban ngành đoàn thể xã(b/c);
- Cán bộ, công chức xã;

Gửi bản giấy:

- Lưu VP, KT UBND xã;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ma Thế Quốc



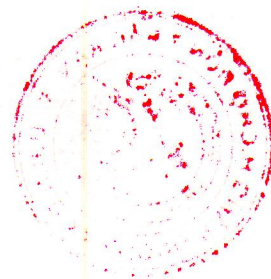
CẢN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	10.691.080.000	TỔNG SỐ CHI	10.691.080.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	61.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.342.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	0	II. Chi thường xuyên	7.237.780.000
III. Thu bổ sung	10.630.080.000	III. Dự phòng	111.300.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.507.324.000		
- Bổ sung có mục tiêu	5.122.756.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.





DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	9.254.952.033	9.254.952.033	10.691.080.000	10.691.080.000	115,52	115,52
I	Các khoản thu 100%	56.394.714	56.394.714	61.000.000	61.000.000	108,17	108,17
1	Phí, lệ phí	26.059.000	26.059.000	35.000.000	35.000.000	134,31	134,31
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	100,00	100,00
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	5.000.000	5.000.000	3.900.000	3.900.000	78,00	78,00
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0	0				
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0	0				
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	415.899	415.899	400.000	400.000	96,18	96,18
7	Thuế thu nhập cá nhân	19.219.815	19.219.815	16.000.000	16.000.000	83,25	83,25
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	43.044.830	43.044.830	34.000.000	34.000.000	78,99	78,99
1	Các khoản thu phân chia						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	43.044.830	43.044.830	34.000.000	34.000.000	78,99	78,99
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	966.036.894	966.036.894				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	5.867.425	5.867.425				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.226.653.000	8.226.653.000	10.630.080.000	10.630.080.000	129,22	129,22
1	Thu bổ sung cân đối	4.706.639.000	4.706.639.000	5.507.324.000	5.507.324.000	117,01	117,01
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.520.014.000	3.520.014.000	5.122.756.000	5.122.756.000	145,53	145,53



UBND Xã: Lương Bằng

Biểu số 105/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

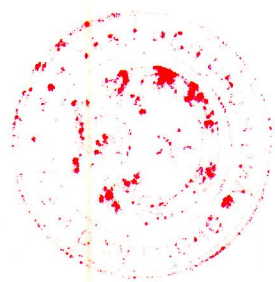
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)				DỰ TOÁN NĂM 2024				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3		
	TỔNG CHI	8.037.387.000	1.762.000.000	6.275.387.000	10.691.080.000	3.342.000.000	7.349.080.000	133,02	189,67	117,11		
	Trong đó:	8.037.387.000										
1	Chi giáo dục	0			0							
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0							
3	Chi y tế	0			0							
4	Chi văn hóa, thông tin				0							
5	Chi phát thanh, truyền thanh	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	100,00		100,00		100,00
6	Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000	20.000.000		20.000.000	100,00		100,00		100,00
7	CTMT (vốn SN)	748.638.000		748.638.000	1.345.756.000		1.345.756.000	179,76		179,76		179,76
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.493.310.000	1.762.000.000	731.310.000	3.409.210.000	3.342.000.000	67.210.000	136,73	189,67	9,19		
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.534.711.800		4.534.711.800	5.634.666.000		5.634.666.000	124,26		124,26		124,26
10	Chi cho công tác xã hội	66.592.000		66.592.000	78.708.000		78.708.000	118,19		118,19		118,19
11	Các tổ chức CTXH	47.203.200		47.203.200	73.440.000		73.440.000	155,58		155,58		155,58
12	Dự phòng	108.932.000		108.932.000	111.300.000		111.300.000	102,17		102,17		102,17





DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/202	Giá trị thanh toán đến 31/12/202	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Ngân sách TW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng
Tổng số					0	3.342.000.000		1.274.000.000	2.068.000.000
1. Công trình chuyển tiếp									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
2. Công trình khởi công mới						3.342.000.000	0	1.274.000.000	2.068.000.000
Nhà ở	2024					132.000.000		120.000.000	12.000.000
Đường trục thôn Bản Diếu - Bó Lòong	2024					738.000.000		705.000.000	33.000.000
Nhà văn hóa + sân thể thao thôn Khôn Hên	2024					472.000.000		449.000.000	23.000.000
Nhà văn hóa và trung tâm thể thao xã Lương Bằng	2024					1.000.000.000			1.000.000.000
Nhà văn hóa thôn Bản Mòn, xã Lương Bằng	2024					334.000.000			334.000.000
Nhà văn hóa thôn Búc Duộng, xã Lương Bằng	2024					333.000.000			333.000.000
Nhà văn hóa thôn Nà Mương, xã Lương Bằng						333.000.000			333.000.000





KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	15.478.000	9.250.000	6.228.000	14.500.000	0	0
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	15.478.000	9.250.000	6.228.000	14.500.000		
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	3.450.000			3.000.000		
- Quỹ bảo trợ trẻ em	3.023.000			3.000.000		
- Quỹ vì người nghèo	5.335.000	4.600.000		5.000.000		
- Quỹ khuyến học	3.670.000	4.650.000		3.500.000		
2. Chi hộ						
- Chi hộ						

